TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 6 - 2022
V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm
Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST/HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; Sinh năm 1991. Có mặt
Nơi ĐKHKTT: Xóm 6, xã X, huyện T, tỉnh T
Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh B
2. Bị đơn: Anh Phạm Phú T; Sinh năm 1991. Có mặt
Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh T
3. Người làm chứng: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1970. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị Phạm Thị H và anh Phạm Phú T đã ly hôn theo Bản án số 89/2018/HNGĐ- ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Phú A sinh ngày 18/4/2014 và cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016. Theo quyết định của Bản án về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Phú A sinh ngày 18/4/2014 và cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016 cho anh Phạm Phú T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm đó con chung đang ở với ông bà nội là ông Phạm Phú Đ và bà Lê Thị Đ tại xã X, huyện T, còn tôi và anh T đang ở trong tỉnh B. Đến tháng 01/2019 thì tôi về quê đón cháu N vào trong B ở với tôi từ đó cho đến nay. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn để tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016, còn anh T nuôi cháu Phạm Phú A, sinh ngày 18/4/2014. Hiện nay tôi đang bán hàng tạp hóa ở trong tỉnh B, thu nhập bình quân hơn 10.000.000đ/tháng.

Tại Bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa Bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày: Tôi và cô H có quan hệ vợ chồng sau đó ly hôn như cô H trình bày là đúng. Tại Bản án số 89/2018/HNGĐ- ST ngày 05/10/2018, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử cho vợ chồng tôi ly hôn và giao cả 02 con chung là cháu Phạm Phú A, sinh ngày 18/4/2014 và cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016 cho tôi nuôi dưỡng, cô H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Khi Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết ly hôn cho chúng tôi thì các con chung đang ở với bố mẹ tôi tại xã X, huyện T, tỉnh T. Đến tháng 01/2019 thì cô H mới đón cháu N vào ở cùng tại tỉnh B từ đó đến nay. Nay cô H yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì tôi không đồng ý. Hiện nay tôi đang làm công việc sửa xe máy ở xã X, ngoài ra tôi còn làm nghề thu mua lông gia cầm trong tỉnh B, thu nhập bình quân là 40.000.000đ/tháng.

Tại bản tự khai con chung là cháu Phạm Phú A trình bày: Cháu tên là Phạm Phú A, cháu đang học lớp 2B trường tiểu học X, huyện T. Cháu đang ở với bố và ông bà nội tại xã X. Nguyện vọng của cháu là tiếp tục ở với bố để ổn định cuộc sống và học tập.

Tại bản tự khai của người làm chứng là bà Lê Thị Đ trình bày: Con trai tôi là Phạm Phú T có kết hôn với Phạm Thị H vào năm 2012. Trong thời gian sinh sống thì có 02 con chung là cháu Phạm Phú A sinh ngày 18/4/2014 và cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016. Sau khi chị H sinh cháu N được 08 tháng thì chị H gửi cháu N lại cho ông bà tôi nuôi dưỡng cháu. Đến khi cháu N được 02 tuổi rưỡi thì chị H về đón cháu N đi. Tôi nghĩ rằng có cháu thì sẽ níu kéo lại được nhưng chị H vẫn không chấp nhận quay về nuôi con. Chị H nuôi cháu N từ tháng 01/ 2019 cho đến nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 3 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 68, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 điều 26, điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H. Giao con chung là cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì lợi ích con chung, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con; Buộc anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật; Anh T và chị H được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Vụ án Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của chị Phạm Thị H thì HĐXX thấy rằng: Tại Bản án số 89/2018/HNGĐ- ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B đã quyết định: Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Phú A, sinh ngày 18/4/2014 và cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016 cho anh Phạm Phú T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật anh T nhờ bố mẹ đẻ là bà Lê Thị Đ và ông Phạm Phú Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Phạm Phú A sinh ngày 18/4/2014 và cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016. Đến tháng 01/2019 chị H về đón cháu N về nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến nay. Tại Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B cả anh Phạm Phú T và chị Phạm Thị H trực tiếp đến Chi cục THADS thị xã T thống nhất thỏa thuận thi hành án như sau: Anh Phạm Phú Tuân trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Phú A sinh ngày 18/4/2014; Chị Phạm Thị H trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016. Anh T và chị H đề nghị kết thúc việc Thi hành án theo Quyết định Thi hành án số 708/QĐ- CCTHADS ngày 23/12/2020 của Chi cục THADS thị xã T. Kể từ ngày thỏa thuận Thi hành án anh T và chị H mỗi người nuôi 01 con chung như đã thỏa thuận cho đến nay. Thực tế qua xác minh tại UBND xã X thì anh Phạm Phú T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Phú A sinh ngày 18/4/2014 từ năm 2018 đến nay. Còn chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016 từ tháng 01/2019 cho đến nay. Cả hai anh chị không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại chị Phạm Thị H và cháu Phạm Thị N đang sinh sống và tạm trú tại tổ 8 khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh B; Cháu N là học sinh lớp lá năm học 2021 - 2022 Trường Mầm non H, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B. Chị H có công việc ổn định, mức thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác cháu N là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế và quy định tại điều 81, điều 82, điều 83 và điểm b khoản 2, khoản 3 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì vậy HĐXX căn cứ vào điều 81, điều 82, điều 83 và điểm b khoản 2, khoản 3 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Giao con chung là cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm theo quy định tại điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào điều 81, điều 82, điều 83 và điểm b khoản 2, khoản 3 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Giao con chung là cháu Phạm Thị N, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc anh Phạm Phú T phải chịu 300.000đ án phí DSST. Chị Phạm Thị H được nhận lại số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/0014200 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án huyện T.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện T
- VKSND tỉnh T
- Các ĐS
- UBND xã Xuân Hưng, huyện T, tỉnh T.
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng